

CHUYÊN MỤC

VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC - NGHIÊN CỨU VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT

NGHĨ VỀ NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG NGƯỜI BÁN NGỌC CỦA LÊ HOÀNG MƯU

HUỲNH THỊ LAN PHƯƠNG*
NGUYỄN VĂN NỖ**

Người bán ngọc của Lê Hoàng Mưu là một tiểu thuyết chứa đựng nhiều yếu tố mới. Với đề tài về chuyện ngoại tình, ghen tuông và trả thù, Lê Hoàng Mưu đã mở xẻ cái tôi trong một dạng thức mới, được đặt trước những ham muốn nhục cảm và cảm dỗ sắc dục. Từ những nội dung hướng về chuyện đời thường, tác phẩm đã gợi ra nhiều suy ngẫm cho vấn đề mang ý nghĩa thời đại, gắn với việc tìm kiếm giải pháp thích hợp cho lối sống, cách sống. Nghệ thuật phân tích tâm lý nhân vật cũng là nét đặc sắc của tác phẩm. Lê Hoàng Mưu đã thể hiện thành công những giằng co trong nội tâm kẻ háo sắc, si tình nhưng lại ý thức về đạo đức và có lòng tự trọng; những mâu thuẫn trong lòng người đàn ông rất si mê nhan sắc người vợ trẻ nhưng cũng rất sĩ diện và quá thương mình. Trong các thập niên đầu thế kỷ XX, những tác phẩm như Người bán ngọc là một nỗ lực đi đầu, mạnh dạn làm ra cái mới, đồng thời chúng cũng cho thấy hiện đại hóa văn học là chặng đường dài, nhiều thách thức.

Từ khóa: đề tài, chuyện ngoại tình, ghen tuông, ham muốn nhục cảm, cảm dỗ sắc dục, chuyện đời thường, gợi ra, hiện đại hóa văn học

Ngày nhận: 5/7/2016; đưa vào biên tập: 4/8/2016; phản biện: 16/8/2016; ngày chấp nhận đăng: 4/4/2016

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong buổi bình minh của văn học Quốc ngữ, Nam Bộ là nơi phát sinh những nhân tố mới đầu tiên, làm nên thành tựu mang tính đột phá cho lịch sử văn học nước nhà. Chính vì tào

bạo đi đầu đổi mới, giữa lúc tâm lý tiếp nhận còn nhiều bỡ ngỡ, đắn đo, cho nên có những tác phẩm văn chương Nam Bộ đã bị hờ hững, thậm chí bị rẻ rúng ngay khi mới chào đời (*Truyện thầy Lazarô Phiền* - Nguyễn Trọng Quản); có khi lâm vào cảnh bị đặt lên, bỏ xuống bởi bàn cân khắt

*, * Trường Đại học Cần Thơ.

khe của định kiến nặng nề (tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh),... *Người bán ngọc* của Lê Hoàng Mưu là một tiểu thuyết chứa đựng trong đó nhiều yếu tố mới, thể hiện những táo bạo của nhà văn trong việc tiếp nhận các nhân tố hiện đại từ văn học phương Tây. Không rơi vào *cảnh ngộ* như nhiều tác phẩm văn xuôi Nam Bộ nói trên, nhưng *Người bán ngọc* cũng ít được công chúng chú ý. Giới nghiên cứu cũng chưa mặn nồng với việc tìm hiểu cụ thể về tác phẩm, để có những đánh giá xác đáng nhằm ghi nhận đóng góp đáng kể của Lê Hoàng Mưu đối với quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam. Vì thế từng có ý kiến cho rằng: “Có thể nói, đến *Người bán ngọc*, kỹ thuật viết tiểu thuyết của Lê Hoàng Mưu đã đến độ chín muồi, song nó ít được nổi tiếng có lẽ hoặc vì ra đời muộn hoặc vì văn đàn có thành kiến với tác giả nên truyện ít được ái mộ” (Cao Xuân Mỹ & Mai Quốc Liên 1999: 483)

Đi tìm những điểm mới trong *Người bán ngọc* của Lê Hoàng Mưu trong thời điểm đó, chúng tôi nhằm khơi gợi hứng thú tiếp nhận cho những ai quan tâm đến văn học Nam Bộ; hướng đến khẳng định những đóng góp đáng ghi nhận của nhà văn Lê Hoàng Mưu trong buổi đầu hiện đại hóa tiểu thuyết và cũng mong muốn tìm ra lời giải đáp cho những thắc mắc không nguôi: Vì sao *Người bán ngọc* lại là một “truyện ít được ái mộ”, “ít được nổi tiếng”.

2. NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG TÁC PHẨM NGƯỜI BÁN NGỌC

Người bán ngọc ra đời năm 1931, thời điểm không còn là sớm để thể hiện

vai trò mở đường của tiểu thuyết Quốc ngữ Nam Bộ. Đến lúc này, Hồ Biểu Chánh, Trần Thiên Trung, Nguyễn Chánh Sắt, Tân Dân Tử... đã đặt xong những viên gạch đầu tiên xây nền móng cho tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Nhưng có lẽ chưa ai táo bạo đưa vào tác phẩm những yếu tố mới như Lê Hoàng Mưu đã thực hiện trong *Người bán ngọc*. Đây là một tác phẩm được viết theo kiểu phóng tác. Theo Võ Văn Nhơn (2008: 54), có thể tác giả đã phóng tác dựa theo tác phẩm *Hương Thái Căn cải trang gian dâm mệnh phụ* của Tây Hồ Ngự Ân Chủ Nhân đời Thanh. Tác phẩm này được những người trong đoàn đi sứ sang Trung Quốc, vào năm 1762, mua đọc và mang về nước. Từ cốt truyện của quyển sách 23 trang, Lê Hoàng Mưu đã phát triển thành một tiểu thuyết phức tạp kéo dài gần 200 trang. Không chỉ là vấn đề dung lượng, Lê Hoàng Mưu đã gọi ra bao điều cần phải suy ngẫm. Những con người đương thời khi ấy muốn bứt phá khỏi khuôn khổ chật hẹp của lễ giáo phong kiến. Nhưng họ cảm giác chới với trong lối sống tự do. Lấy bối cảnh xã hội Trung Quốc, thời kỳ Cách mạng Tân Hợi năm 1911, nhưng Lê Hoàng Mưu đã thể hiện tiếng lòng của con người Việt Nam lúc vừa chạm ngõ cuộc sống hiện đại. Tất cả được khai thác qua đề tài mới, tạo nên giá trị tư tưởng mới cho tác phẩm và làm hiển hiện một tài năng thật sự, với kỹ thuật phân tích tâm lý nhân vật đầy táo bạo.

2.1. Đề tài ngoại tình, chuyện người đàn ông ghen tuông và sự trả thù độc ác

Văn học trung đại từng nói đến chuyện ghen tuông nhưng đó là cơn ghen của người đàn bà (Hoạn Thư), kẻ ngoại tình là người đàn ông (Thúc Sinh), loại người được xã hội phong kiến “cho phép” ngoại tình, vì được quyền nắm thê bầy thiếp. Sống trong điều kiện ý thức nữ quyền chưa được công nhận, người đàn bà không thể phản đối chuyện các ông chồng có thêm người khác, nhưng không thể chia sẻ mảnh tình chung, vì thế chỉ còn biết ghen. Ghen để giải tỏa mọi uất ức, đau khổ không được thấu hiểu. Ghen để phản ứng lại thực tại không thể chấp nhận. Ghen tuông trong *Truyện Kiều* được lý giải là chuyện thường tình: “Ghen tuông thì cũng người ta thường tình”. Người ghen và bị ghen đều không bị cho là vi phạm đạo đức phong kiến. Người phụ nữ ghen dù có thâm hiểm, sắc sảo, khôn ngoan, thậm chí độc ác nhưng đâu làm gì trái lễ giáo phong kiến, vẫn là người vợ theo đạo tòng phu, trọng nghĩa tào khang. Hoạn Thư khi ghen có thể hành động bất nhân đối với người phụ nữ mà chồng say mê; còn với chồng mình thì không ra tay tàn bạo hay có ý định giết chết để hả mối hận. Như thế, người phụ nữ trong *Truyện Kiều* ghen là để giành lại hạnh phúc. Nếu có trả thù thì cũng không hướng vào người thân. Có nghĩa là vẫn muốn duy trì hạnh phúc đã có, khôi phục lại tình cảm bị mất. Xét cho cùng, Hoạn Thư dù quá yêu chính

minh nhưng vẫn yêu chồng. Cái tôi của Hoạn Thư vẫn còn có phần bao dung người khác. Tóm lại, người phụ nữ ghen trong *Truyện Kiều* không hành động hủy hoại gia đình, dù vẫn còn ý thức sống vì cái tôi của mình.

Xã hội phong kiến không để cho người phụ nữ ngoại tình. Tư tưởng của thời đại đã uốn nắn người phụ nữ vào khuôn khổ tiết trinh. Họ coi đó là lẽ tất nhiên, là bổn phận, là phẩm giá ở đời. Họ không thể mà cũng không muốn làm trái lại, dù có “cơ hội” đi chăng nữa. Vì thế, chuyện ngoại tình ở người phụ nữ càng không thể nào diễn ra một cách công nhiên, phổ biến. Đó là tội lỗi rất lớn, mà chính bản thân người phụ nữ cũng tự thấy không đồng tình, lên án gay gắt. Văn học Việt Nam thời phong kiến không hướng đến đề tài nói về chuyện ngoại tình của người phụ nữ, nếu có cũng sẽ không nằm ngoài dụng ý phê phán, công kích quyết liệt. Trong xã hội xưa, người sáng tác không bao giờ có sự cảm thông, dù rất ít, với chuyện phụ nữ ngoại tình. Có chăng, thì văn học trung đại thể hiện nỗi niềm xót thương đối với người phụ nữ bị vu oan ngoại tình. Trong truyện ngắn *Người thiếu phụ Nam Xương (Truyện kỳ mạn lục)* của Nguyễn Dữ đã có chuyện khác thường: cơn ghen nổi lên từ người đàn ông. Đó là một cơn ghen mù quáng, vô căn cứ xác thực, dẫn đến bi kịch cho người phụ nữ vô tội. Không hề có chuyện thất tiết của người phụ nữ. Vẫn là hình ảnh người phụ nữ trọn đạo làm vợ, dù chồng đi xa biên

biệt, phải chịu cảnh phòng không gói chiếu. Vốn xem trọng trinh tiết, cho nên khi bị ngờ vực, Vũ Nương chỉ còn cách mượn dòng nước bạc của con sông quê nhà rửa giùm nỗi oan.

Nhìn chung, trong văn học trung đại chưa thấy người phụ nữ nào dám sống hết mình cho cái tôi với tất cả những ham muốn về tinh thần lẫn thể xác như Hồ phu nhân trong *Người bán ngọc* của Lê Hoàng Mưu. Với đề tài mới - chuyện ngoại tình của người phụ nữ, nhà văn đã táo bạo dựng lên một chân dung nhân vật rất mới so với trước kia trong văn học trung đại. Ngay cả Nguyễn Trọng Quản, người được xem là đã làm nên bước đột phá cho văn học Việt Nam, mở đầu cho nền văn xuôi tự sự Quốc ngữ, khi nói về chuyện ghen tuông cùng sự trả thù độc ác của người đàn ông, thì người phụ nữ trong tác phẩm vẫn là bị vu oan ngoại tình. Chị ta mang đặc điểm của nhân vật phụ nữ truyền thống: thủy chung, tiết hạnh. Người phụ nữ trong *Người bán ngọc* không chỉ dám ngoại tình, mà còn tỏ ra chủ động trong mọi hành vi để tiến tới ngoại tình. Nhân vật Ngọc Lan trong *Cuộc tang thương* của Đặng Trần Phát, một tác phẩm ra đời trước *Người bán ngọc* không lâu, cũng còn có lúc nhận thấy mình có lỗi vì đã ngoại tình. Cô ta đau khổ, hối hận, xấu hổ khi nhận ra mình đã vi phạm đạo đức phong kiến. Hay nói cách khác, Đặng Trần Phát để cho nhân vật còn vương vấn với lễ giáo phong kiến. Ngược lại, nhân vật của Lê Hoàng Mưu không chút đắn đo

trăn trở về tiết hạnh, lễ đức. Chỉ cốt sống sao cho thỏa niềm hoan lạc, tận hưởng hạnh phúc ái ân ích kỷ mà chẳng chút ray rứt về tình cảm của người chồng đang xông pha chiến trận và rất đổi yêu thương vợ. Đối với người phụ nữ ngoại tình trong tác phẩm của Lê Hoàng Mưu, những gì thuộc lễ giáo phong kiến là rào cản, là sự ngăn trở, là thứ mà bà ta chỉ ra sức đối phó chứ không hề băn khoăn, vương vấn. Hồ phu nhân đã đón nhận tình yêu của Tô Thường Hậu bằng tất cả sự say đắm, cuồng nhiệt, tự nhiên, không chút ám ảnh tội lỗi. Dường như bà ta đã bình thường hóa chuyện ngoại tình. Con mê tình ái đầy màu sắc xác thịt đã kéo bà ta tuột khỏi sự trong sạch và đức hạnh, quên mất cái gọi là gia đình chân chính.

Điều đáng nói ở đây là kiểu nhân vật phụ nữ nói trên được nhà văn dựng lên không nhằm mục đích là để phê phán, chỉ trích hành vi trái với luân lý, đạo đức. Lê Hoàng Mưu muốn tán thành lối sống tự do, buông thả của người phụ nữ, để phản đối lại lễ giáo phong kiến khắt khe chẳng? Nếu chỉ dừng lại ở đây, tác phẩm *Người bán ngọc* sẽ cũng như nhiều trường hợp khác, quan tâm vấn đề xã hội mà không thể hiện được vấn đề con người. Trong buổi giao thời, gió Á, mưa Âu, con người đang băn khoăn, trăn trở rất nhiều về cách sống, lối sống, đang tìm lời giải đáp cho câu hỏi: nên theo phong kiến hay theo tư sản? Tự do với tình cảm lãng mạn, lối sống hưởng thụ hay tiếp tục khép mình

trong chuẩn mực, lễ nghi, đạo đức? *Người bán ngọc* đã khéo léo gợi lên những vấn đề thiết thực nhất trong cuộc sống hiện đại. Từ một đề tài hướng về đời thường, tác phẩm đã khiến người đọc phải suy ngẫm về những vấn đề mang ý nghĩa thời đại, liên quan đến việc tìm kiếm một lối sống, cách sống thích hợp.

Có chuyện ngoại tình tất có sự ghen tuông. Khi ghen người ta có thể làm bất cứ chuyện gì để hả cơn oán hận do bị chiếm đoạt tình cảm, bị phụ tình. Vì thế hành động nóng nảy, thiếu suy nghĩ hay độc ác, tàn nhẫn của người đang ghen cũng là điều dễ hiểu. Nhưng có lẽ trong văn học Việt Nam từ trước đến giai đoạn này chưa có nhân vật nào hành xử độc ác đến mức như Hồ Quốc Thanh trong *Người bán ngọc*. Lửa ghen ngàn ngọn cháy trong con người đầy kiêu hãnh có sẵn quyền cao chức trọng đã khiến ông ta không chỉ nhẫn tâm sát hại vợ một cách dã man để trả thù, mà còn thực thi cả một kế hoạch hãm hại người tình của vợ, khiến Tô Thường Hậu sống không được mà chết cũng không xong. Lòng hận thù do ghen tuông đã thiêu rụi tình người trong Hồ Quốc Thanh. Lưỡi gươm oan nghiệt của hắn đã lạnh lùng, nhẫn tâm lấy đi sinh mạng của cô đầy tớ gái Đào Anh trung thành, hiền lành, vô tội. Trong *Truyện thầy Lazarô Phiền*, nhân vật Phiền cũng rất độc ác khi trả thù vì ghen. Nhưng người đàn ông này không làm liên lụy cho nhiều người khác vô tội. Anh ta chỉ ra tay trừng trị

những ai mà anh ta nghĩ là đã phản bội mình. Hồ Quốc Thanh thì khác, với lòng ích kỷ và uy quyền của một vị quan cấp cao, ông ta không chút ngần ngại, khi phải lôi kéo bao người khác vào cuộc trả thù hết sức riêng tư. Người đàn ông ghen như Phiền rất khép kín, lặng lẽ hành động nhưng cũng nhanh chóng hối hận, đau khổ cho những việc làm độc ác của mình. Anh ta cắn rứt lương tâm đến chết. Ngược lại, Hồ Quốc Thanh trả thù có mưu mô, tính toán, bàn bạc với thân cận của mình và ông ta không tỏ ra có chút hối hận. Ông ta còn hả hê khi kế hoạch hãm hại kẻ gian phu, đã chiếm đoạt vợ mình thành công: “Hồ Quốc Thanh nheo miệng cười cách sâu độc không hối hận chút nào” (Cao Xuân Mỹ & Mai Quốc Liên 1999: 594). Dẫu rằng Hồ Quốc Thanh là người bị phá hoại hạnh phúc, kẻ đáng được thương cảm, nhưng chính hành động trả thù quá độc ác đã biến ông ta trở thành nhân vật đáng bị phê phán trong tác phẩm. Cuộc đời vốn đầy phức tạp, tình người đổi thay khôn lường, sự phản bội, việc chiếm đoạt có thể diễn ra bất cứ lúc nào. Nếu con người lại mất thêm cả lòng nhân hậu, sự vị tha, bao dung thì bi kịch sẽ diễn ra càng phổ biến hơn trong xã hội. Sự hận thù, tính hơn thua, lòng ích kỷ sẽ đẩy con người trượt dài trên dốc tội lỗi. Có lẽ đó là thông điệp mà Lê Hoàng Mưu muốn gửi vào tác phẩm qua việc khai thác đề tài này.

Từ cái chết của Hồ phu nhân, đến cuộc sống đau khổ của Tô Thường Hậu, cảnh đời tan vỡ hạnh phúc của

Hồ Quốc Thanh... đều cho thấy cái khổ của con người là do chính con người tạo ra. Những ham muốn không chính đáng, những đòi hỏi quá trớn, bất chấp đạo đức, sẽ dẫn đến tình yêu tội lỗi như mối tình Tô Thường Hậu - Hồ phu nhân. Không biết tiết chế hận thù con người dễ sa vào tội ác như Hồ Quốc Thanh. Những điều nói trên, Nguyễn Trọng Quản từng thể hiện trong *Truyện thầy Lazarô Phiền*. Tuy nhiên, dưới ngòi bút của Lê Hoàng Mưu, nội dung vấn đề được tái hiện một cách cụ thể hơn, sắc sảo hơn, làm rõ nét dụng ý nghệ thuật của nhà văn. Điều này đã làm nên ý nghĩa mới cho một đề tài không quá xa lạ.

Nhìn chung, Lê Hoàng Mưu chưa phải là đã sáng tạo nên một đề tài hoàn toàn mới. Nhưng như một nhà họa sĩ tài ba, vận dụng nét cũ sẵn có, ông đã biết điểm tô thêm những đường cong, những nét gấp khúc, những sắc màu lạ, làm cho bức tranh cuộc sống được tái hiện không chỉ sinh động mà còn mới mẻ, hấp dẫn. Tuy nhiên, tác phẩm của ông không được đón nhận như mong đợi. Công chúng thị dân đương thời ưa thích nội dung nói về tình yêu tự do nhưng có nhiều e ngại. Bởi họ đang sống trong bầu không khí của cuộc đấu tranh tư tưởng cũ mới hãy còn đang diễn ra gay gắt. Người nệ cổ, khó tính, theo Nho học lại không tán thành vì chưa chấp nhận được cái mới.

2.2. Cái tôi cá nhân và tình yêu với đam mê sắc dục

Như đã có đề cập ở phần trên, đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam bước vào

giai đoạn có nhiều đổi thay lớn, con người luôn bị đặt trước những lựa chọn gay go, căng thẳng: theo phong kiến hay theo tư sản. Bấy giờ, lối sống mới đã hình thành, văn hóa phương Tây đang phổ biến nhưng tư tưởng phong kiến vẫn còn, vẫn ảnh hưởng khá sâu đậm đến cách nghĩ, lối sống người Việt Nam. *Người bán ngọc* của Lê Hoàng Mưu được cho là có mang yếu tố mới, bởi nó đã nói đến sự trỗi dậy quyết liệt, mạnh mẽ, đầy táo bạo của cái tôi ở một đối tượng vốn quen an phận, cam chịu, thích sống vì người khác hơn sống cho mình: người phụ nữ. Hồ phu nhân là kiểu nhân vật “lệch chuẩn” với nhân vật phụ nữ truyền thống trong văn học Việt Nam, chủ động ngoại tình, đồng thời là hiện thân của ham muốn nhục dục, của cội nguồn tạo nên cám dỗ sắc dục. Nhân vật Hồ phu nhân ngay từ giây phút chưa ngoại tình đã lỗi đạo làm vợ và có tư tưởng sống cho mình. Khi nghe người bán ngọc nhỏ to dụ dỗ: “người lẽ bạn dầu không chắc dạ, sợ loan công phụng chạ khó lòng; thì cũng nên sắm một tay trong, để vầy bạn cô phòng trực tiết. Vui hơn cuộc đêm thanh giỡn nguyệt, người ngoài ai rõ biết đặng chăng? Chồng cũng không thấu nổi cơ gian, mình lại đặng, khỏi thiệt phận hồng nhan chiếc bóng” (Cao Xuân Mỹ & Mai Quốc Liên 1999: 512), bà ta chẳng những không thấy đó là chuyện tội lỗi, trái luân thường đạo lý, là sống ích kỷ chỉ biết cho mình, ngược lại còn có ý tán thành. Vì thế, tỏ ra “có vẻ mừng vui, tất lòng phớt phờ, cười cười nói nói hai má

ững điều...” (Cao Xuân Mỹ & Mai Quốc Liên 1999: 512). Hồ phu nhân đã xé toạc bức màn giữ gìn tiết hạnh người phụ nữ của đạo đức, lễ giáo phong kiến lâu nay; dang rộng cánh tay ra đón nhận một đời sống tình ái tội lỗi. Cái tôi cá nhân đầy ham muốn nhục dục trong con người Hồ phu nhân nếu không xui khiến bà ngoại tình, thì cũng dẫn dắt bà đến với hành vi mang màu sắc của chuyện đồng tính. Hồ phu nhân từng bày tỏ mong muốn với người bán ngọc: “Nếu hiền nương có kế hay, lấy nghĩa chị em đem thế làm tình chăn gối, áp yêu cách nào, mà giải nỗi sầu tư này cho ta hết năm canh luống ra vào, trần trọc canh chầy chẳng ngủ, thì may mắn cho ta biết bao” (Cao Xuân Mỹ & Mai Quốc Liên 1999: 514). Trước lời đề nghị kỳ quặc của người bán ngọc: “Bẩm lệnh phu nhân, tiện thiếp không những có thể mà gỡ nỗi mối sầu cho lệnh phu nhân mà thôi, mà tiện thiếp còn làm đặng vui lòng thỏa dạ lệnh phu nhân hơn cái tình chăn gối nghĩa áp yêu kia nữa; song tiện thiếp có lời xin trước lệnh phu nhân là đừng chấp nhất tiện thiếp về sự chông chạ cùng lệnh phu nhân trong những lúc nằm ngồi đi đứng, cạ vé kẻ vai hoặc là cười nói lả lơi, vui giỡn như tình phu phụ” (Cao Xuân Mỹ & Mai Quốc Liên 1999: 514), Hồ phu nhân vẫn có thể “hân hoan” chấp thuận. Và cũng thế, cái đêm mở đầu cho cuộc ân ái tội lỗi cùng Tô Thường Hậu, Hồ Phu nhân đã chứng tỏ chỉ biết sống cho mình, thỏa mãn những ham muốn của một cái tôi nhơ nhuốc. Cái tôi của người đàn bà

không tiết hạnh, thiếu lễ đức, đã từng bước một chủ động dẫn dắt kẻ háo sắc, si tình Tô Thường Hậu đi vào cõi hoan lạc. Điều đáng nói là chính bà cũng gây ngất trong sự hoan lạc đó. Lê Hoàng Mưu đã xây dựng nhân vật Hồ phu nhân để gọi lên chân dung của một cái tôi chạy theo lối sống buông thả, chỉ biết hưởng thụ, không chút trăn trở về bổn phận, kể cả bổn phận với phẩm hạnh của chính mình. Đạo đức, luân lý phong kiến không còn đủ sức ràng buộc hay ngăn cản tình yêu lãng mạn, nhiều màu sắc ủy mị ở những con người như Hồ phu nhân. Cái chết thảm khốc đã cắt đứt sự nổi loạn của một cái tôi đang tung hoành, bứt phá những gì thuộc về nề nếp phong kiến. *Người bán ngọc* cho thấy cái tôi ở giai đoạn này chưa đủ sức vươn lên để khẳng định mình. Nó có thể thách thức với lễ giáo phong kiến nhưng đã bị đè bẹp trước sức mạnh của lễ giáo phong kiến. Nhân vật Hồ phu nhân không được xem như một nạn nhân đáng thương cảm, bị vùi dập bởi thế lực của phong kiến. Qua nhân vật này, tác giả như muốn chứng minh rằng nếu tuột khỏi khuôn khổ của đạo đức phong kiến, con người sẽ chới với giữa dòng nước lạ, bị chìm xuống đáy sâu. Bi kịch của Hồ phu nhân như một cảnh báo cho những ai muốn quay lưng hẳn với đạo đức phong kiến vốn đã có ý nghĩa truyền thống, đã trở thành lối sống, nếp nghĩ từ bấy lâu nay.

So với Hồ phu nhân, tình yêu của Tô Thường Hậu có nhiều điểm khác hẳn. Anh ta yêu chân tình, mãnh liệt đến

mức si tình. Tình yêu cuồng nhiệt, đắm đuối dành cho Hồ phu nhân, khiến anh ta không còn biết sợ là gì. Bất chấp đạo lý, pháp luật, sức mạnh uy quyền, thậm chí quên cả nguy hại tính mạng để được gần gũi Hồ phu nhân. Tuy nhiên, cái tôi trong con người anh ta luôn có sự giằng co quyết liệt giữa lý trí và tình cảm, giữa đam mê sắc dục và danh dự của đời người: “Không lý vì một cuộc trăng gió gọi là mà coi mạng nhẹ tơ hồng, đành phận, bách niên di xú, nghĩ vậy nên người hồi tâm định tánh quyết xa lánh tội tình; nhưng bởi lương tâm thì muốn bỏ mà cái lòng tà dâm chẳng chịu buông, cứ chẳng buộc hai con mắt của người chăm chỉ ngó xuống hoài, rồi lại còn dục thúc lòng người xiêu theo sắc dục, nên nổi dâm tâm khun dần, lừa tâm càng dập, làm cho người quên phức những lời khuyên nhủ của lương tâm” (Cao Xuân Mỹ & Mai Quốc Liên 1999: 524, 525). Chữ tình và sự ham muốn đời sống tình dục đã quá mạnh trong anh ta. Nó lấn át tất cả, nó đẩy lùi lý trí, nó chiếm lĩnh con tim, nó thống trị tâm hồn, biến anh ta thành kẻ chỉ còn biết sống vì thú hoan lạc tội lỗi trong chính ngôi nhà của tình nhân. Lê Hoàng Mưu đã táo bạo để cho cái tôi tự do, sống cho chính mình, chiều theo những ham muốn sắc dục. Cái tôi trong Tô Thường Hậu đã đẩy anh ta vào vị trí liều thân, sống tạm, hưởng vội, chẳng cần lo lắng cho tương lai. Chắc chắn anh ta hiểu rõ phủ quan không thể nào là tổ ấm hạnh phúc lâu bền cho mình nhưng anh ta đã nhắm mắt để

đón nhận một thứ hạnh phúc bất bênh, không cần biết đến ngày mai: “Bây giờ sự đã đường này. Phận hèn dầu rủi dầu may tại người” (Cao Xuân Mỹ & Mai Quốc Liên 1999: 527). Phải chăng vì cảm thương cho những con người quá say đắm, cuồng si trong tình yêu, dù là tình yêu đầy tội lỗi, tác giả vẫn tạo cho họ có được giây phút thăng hoa với hạnh phúc ân ái. Nhưng nó rất chóng vánh, ngắn ngủi, không chút chính đáng vì luôn ở tâm thế vụng trộm. Để rồi chính tình yêu ấy đưa hai người đi vào bi kịch.

Sự đổi mới đầy táo bạo của Lê Hoàng Mưu là đã xây dựng mối tình giữa Tô Thường Hậu và Hồ phu nhân không thuộc kiểu tình yêu dựa trên chữ nghĩa, hay nhờ tâm đầu ý hợp mà có. Tình yêu này khởi phát từ sắc dục, từ yếu tố vật chất. Sự đắm say mãnh liệt, cuồng si của nó cũng từ cội nguồn vật chất mà ra. Khác với tình yêu say đắm của Tố Tâm - Đạm Thủy (trong *Tố Tâm* - Hoàng Ngọc Phách), đi vào thế giới tâm hồn, không hề bị yếu tố vật chất làm vẩn đục. Họ yêu nhau dù biết trước là sẽ xa rời nhau nhưng vẫn giữ cho những lúc bên nhau thật thanh cao, tận hưởng tình yêu đẹp đẽ bằng tâm hồn đồng điệu. Nhận biết là của nhau bằng hai trái tim cùng nhịp đập. Có lẽ đến lúc này chưa ai dám viết về tình yêu như Lê Hoàng Mưu. Một kiểu tình yêu dù có sự chân thành, tha thiết và cả sự cao thượng, thủy chung (Hồ phu nhân khi chết rồi còn biến thành hồn ma về báo tin cho Tô Thường Hậu lánh nạn; Tô Thường Hậu dù bị tra khảo đến đâu cũng cam chịu,

quyết giữ danh tiết cho Hồ phu nhân) nhưng chính những đam mê sắc dục làm cho nó đã nhuộm màu tội lỗi. Tội lỗi được trộn lẫn vào cái cao thượng cho nên tình yêu đó chỉ được đẹp trong những dòng nước mắt sâu não, khi vụng trộm bên nhau. Tuy nhiên, con người cá nhân ở đây không chỉ đòi hỏi tận hưởng mà cũng có biết dâng hiến và hi sinh cho tình yêu. Thể hiện vấn đề nhiều phức tạp với các đặc điểm đối lập chồng chéo, đan cài, Lê Hoàng Mưu không giấu được quan điểm của mình. Ông không phản đối tình yêu tự do, lãng mạn vì nó có những nét đẹp nhất định, nó chống lại sự khắt khe, phi lý của lễ giáo phong kiến, nó đem lại cho con người những thỏa mãn rất nhân văn. Tuy nhiên, tự do mà quá buông thả, lãng mạn mà tiến đến ủy mị sẽ khiến con người tự giết chết tương lai, hủy hoại hạnh phúc. Dù không trực tiếp nói ra, thông qua hình tượng nhân vật và sự kiện trong tác phẩm, Lê Hoàng Mưu như đã thấy rõ, trong xã hội đương thời, cái tôi đang trở dậy mạnh mẽ, nhưng ông muốn khẳng định rằng không thể để cho cái tôi cá nhân đi quá xa chuẩn mực đạo đức truyền thống. Lê Hoàng Mưu viết về cái tôi, không có nghĩa là ông hoàn toàn ủng hộ và cổ xúy cho cái tôi. Tuy nhiên, vấn đề được ông mang ra mổ xẻ mới lạ và đầy táo bạo. Biết rằng ông không hô hào sống theo cái tôi tự do nhưng chỉ bấy nhiêu thôi cũng đủ khiến cho độc giả đương thời có thể không hài lòng với nội dung thể hiện trong tác phẩm. Như Nguyễn Văn Trung từng nhận xét: "... Điểm trội bật

của *Người bán ngọc* là ái tình được diễn tả ở đây thiên về tính dục. Bộ tam đa cổ điển trong truyện là người tình Tô Thường Hậu, người chồng Hồ Quốc Thanh, người vợ Hồ phu nhân khi yêu nhau đã yêu vừa bằng trái tim vừa bằng cái giống của mình. Dĩ nhiên hậu sinh hiện đại không có dị nghị gì về một quan điểm như vậy, nhưng vào thời Lê Hoàng Mưu thì hẳn là quá mới mẻ, táo bạo" (dẫn theo Bằng Giang 1998: 197).

Xưa nay văn học thường nói về những bất hạnh, bi kịch trong tình yêu vì tình yêu tự do luôn bị đặt trước lễ giáo phong kiến. Đến *Người bán ngọc* của Lê Hoàng Mưu đã xuất hiện thêm một vấn đề mới: những bất hạnh, bi kịch trong tình yêu là do chính con người tự tạo ra. Tình yêu đầy đam mê cuồng si đã dẫn con người đi vào cái khổ (Tô Thường Hậu); sắc, dục là cám dỗ, là mầm họa chết người. Con người không biết kiềm chế ham muốn thì sẽ khổ. Người phụ nữ để cho tiếng nói thể xác áp chế tâm hồn sẽ không còn lý trí để lựa chọn đâu là hạnh phúc vững bền cũng sẽ khổ, thậm chí rơi vào bi kịch (Hồ phu nhân). Quá ích kỷ trong tình yêu dễ khiến con người mất hết niềm tin và sự vị tha. Lúc ấy, ranh giới giữa yêu thương và hận thù chỉ còn trong gang tấc, tạo nên chuyện ghen tuông và trả thù độc ác, làm hủy hoại hạnh phúc của cả bản thân (Hồ Quốc Thanh). Sắc đẹp là tài sản quý giá mà tạo hóa đã ban tặng cho người phụ nữ. Nhưng sắc đẹp không được nuôi dưỡng bằng tiết trong, hạnh sáng sẽ trở thành ngọn lửa vô hình thiêu

cháy tình yêu, biến tình yêu thành mằm mống tạo nên bi kịch cho con người. Cả Hồ Quốc Thanh và Tô Thường Hậu đều điên đảo bởi nhan sắc của Hồ phu nhân, để rồi tự vùi lấp tương lai vì cơn mê tình ái.

Đã có không ít người đề cập đến yếu tố tính dục trong *Người bán ngọc*. Rõ ràng, Lê Hoàng Mưu không đưa nội dung tính dục vào tác phẩm để gọi lên ý nghĩa nhân văn của nó, mà để luận về khía cạnh đạo đức, lối sống. Tác giả như muốn khẳng định tình yêu bắt nguồn từ sắc, dục có thể đạt được sự say đắm, chân tình, thủy chung nhưng không thể tồn tại bền vững. Xã hội phong kiến không dung nạp loại tình yêu như thế. Quan niệm đạo đức truyền thống không thừa nhận tình yêu như thế. Người Á Đông, chịu ảnh hưởng của Nho giáo không dễ dàng chấp nhận tình yêu nghiêng về thể xác. Từ những thỏa mãn thể xác mà dần có được hòa hợp tâm hồn là vấn đề khó được đồng tình. Vì thế tình yêu ấy làm sao tránh khỏi sự chóng vánh, tiến đến tan vỡ. Lê Hoàng Mưu táo bạo đặt ra một vấn đề mới, rồi chính ông cũng không thể ủng hộ nó. Ông đã quay về với đạo đức truyền thống để định đoạt vận mệnh ngắn ngủi cho tình yêu lãng mạn, vụng trộm của Tô Thường Hậu và Hồ phu nhân. Định danh nó là tội lỗi nên phải kết thúc bi thảm. Các nhà văn Nam Bộ cùng thời, tiêu biểu là Hồ Biểu Chánh, đang duyệt xét lại để quyết định nên theo mới hay theo cũ. Lê Hoàng Mưu đặt ra vấn đề khác hơn và cụ thể hơn: theo mới như thế nào? Và giới hạn

của sự đổi mới là đâu? Mới để sống như Tô Thường Hậu và Hồ phu nhân là không thể chấp nhận được. Tình yêu của hai con người này đã đến chỗ quá trớn, ra ngoài giới hạn cho phép, đã vi phạm đạo đức. Nó không còn mang tính chất tự do, lãng mạn nữa mà thành tội lỗi. Tình yêu tự do, lãng mạn chỉ thật sự đẹp khi nó chính đáng và trong sáng. Khai thác một vấn đề thuộc dòng văn học tính dục, từng phổ biến trong văn học Trung Quốc, giữa lúc ảnh hưởng của văn học phương Tây đang mạnh dần trong đời sống văn học Việt Nam, Lê Hoàng Mưu có vẻ như làm được một chuyện hợp thời, hợp với đời sống đô thị hiện đại. Tuy nhiên, sự táo bạo này không dễ nhận được đồng tình của công chúng. Bởi thế, đâu khó hiểu vì sao *nó ít được nổi tiếng*. Nhưng dù thế nào vẫn phải thừa nhận: Lê Hoàng Mưu không đi theo lối quen, đường cũ như các nhà văn khác. Trong khi các nhà văn Nam Bộ cùng thời khám phá, luận bàn về cái tôi đặt trước những ham muốn về quyền lợi kinh tế, quyền lực xã hội hay trong phạm vi vấn đề đạo đức, thì Lê Hoàng Mưu tìm hiểu cái tôi trong tư thế đối mặt với những ham muốn, cám dỗ của sắc, dục. Con người trong tác phẩm của Lê Hoàng Mưu như được soi rọi từ nhiều góc độ, được đặt trong những trạng huống đặc biệt nhưng đời thường nhất. Từ đó nhà văn thể hiện được những gì là bản chất nhất, mang tính phổ biến nhất của con người và cuộc sống.

Nhân vật Hồ Quốc Thanh không thuộc loại người yêu đương bất chính nhưng

cũng là trường hợp tiêu biểu, góp phần thể hiện cái tôi có nhiều điểm đáng chú ý. Tình yêu ở ông ta cũng thuộc dạng tình yêu đầy đam mê sắc dục. Ta có thể bắt gặp ở Hồ phu nhân một cái tôi từ chối bỏ phận (bỏ phận làm vợ, bỏ phận với phẩm hạnh của chính mình), sống buông thả trong bể ái tình; ở Tô Thường Hậu là cái tôi dám sống liều thân cho tình yêu cuồng si. Đến Hồ Quốc Thanh lại nổi bật một cái tôi ích kỷ, điên cuồng với những hận thù ghen tuông. Cái tôi ích kỷ trong con người Hồ Quốc Thanh cho phép ông nghi ngờ vợ trước khi biết thông cảm, thấu hiểu cho hoàn cảnh cô phòng, chiếc bóng trong mấy năm phải xa chồng của người vợ trẻ đẹp. Cái tôi đó được tiếp sức bởi quyền uy của vị quan vừa mới thăng trận trở về, càng trở nên kiêu hãnh dữ dằn, đàng đàng sát khí, chỉ làm le muốn giết người để rửa hận chứ không bao giờ thể hiện chút lòng vị tha bao dung, kể cả với người hấn yêu thương nhất: “Không những thế lòng giết vợ mà thôi, mà Hồ Quốc Thanh những còn mong giết cho đặng kẻ lấy vợ mình, giết cho tới những kẻ làm mai, giết sạch hết loài gian, mới là an thừa dạ” (Cao Xuân Mỹ & Mai Quốc Liên 1999: 537). Hồ Quốc Thanh tiêu biểu cho kiểu người chỉ biết yêu mình và không bao giờ muốn sống vì người khác.

Ba nhân vật chính trong tác phẩm đều thể hiện cái tôi sống theo bản ngã, vì mình, phản ánh xu hướng phổ biến trong xã hội lúc Lê Hoàng Mưu viết tác phẩm. Con người đương thời

đang sống nhiều cho cái tôi cá nhân. Chính vì thế đạo đức xã hội đang bị xuống cấp nghiêm trọng, luân thường đạo lý mất dần. Tình yêu trong sáng, nhân nghĩa ở đời, lòng nhân ái đang bị thay thế bằng sự giả mạo, sự phản bội, sự độc ác. Liệu có nên sống cho cái tôi cá nhân như thế chăng? Nghĩ về mình, sống cho mình đâu phải là không chính đáng? Lê Hoàng Mưu như muốn nhắc nhở: phải cân nhắc trước những đòi hỏi của cái tôi, để đáp ứng sao cho hợp lý và đúng mức độ. Buông xuôi theo những nhu cầu thấp hèn, ích kỷ sẽ biến cái tôi thành nhân tố hủy hoại cuộc đời của từng cá nhân. Có thể nói *Người bán ngọc* mang đến nhiều thông điệp mới cho người đương thời. Càng suy ngẫm càng nhận ra những ý nghĩa sâu xa của từng vấn đề trong tác phẩm.

2.3. Nghệ thuật phân tích tâm lý nhân vật và ngôn từ

Hệ thống nhân vật trong *Người bán ngọc* không nhiều. Nếu tính những nhân vật xuất hiện trực tiếp trong diễn biến câu chuyện thì có không đến mười nhân vật. Khác với tiểu thuyết Nam Bộ đương thời và trước đó, Lê Hoàng Mưu không xây dựng hai tuyến nhân vật đối lập, tiêu biểu cho cái thiện và cái ác. Phóng tác theo tác phẩm của Trung Quốc, nhà văn đã phác họa chân dung những con người có cách ăn nếp ở, cách giao tiếp không thể hiện tính cách người Việt, càng không gọi lên được hình ảnh người Nam Bộ. Tuy nhiên, so với tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh và tiểu thuyết của nhiều nhà

văn Nam Bộ cùng thời, Lê Hoàng Mưu đã tạo nên yếu tố mới đáng kể. Ông đã lấy nội tâm nhân vật cùng diễn biến tâm lý làm đối tượng miêu tả chính. Nhân vật trong *Người bán ngọc* có một đời sống nội tâm khá phức tạp. Lê Hoàng Mưu không kể lại những suy nghĩ của nhân vật. Ông để cho nhân vật tự trải lòng mình, để cái tôi có cơ hội tự bộc lộ. Ông đưa nhân vật về với không gian nhỏ hẹp, không gian của cái tôi bé nhỏ, nơi có điều kiện tốt nhất để con người đối diện với chính mình, giáp mặt với lương tâm, được lắng nghe tiếng nói của lòng mình. Ông khai thác nội tâm nhân vật trong hoàn cảnh nghiệt ngã nhất: khi tình yêu đã biến thành hận thù; ông diễn tả tâm lý con người trong tình huống mới mẻ, táo bạo nhất: bước vào đời sống tình dục. Có lẽ, theo ông, như thế thì tính cách con người sẽ được bộc lộ tự nhiên và rõ nét nhất. Cách miêu tả này, nếu đặt trong bối cảnh văn học đầu thế kỷ XX, đúng là đã đánh dấu “kỹ thuật viết tiểu thuyết của Lê Hoàng Mưu đã đến độ chín muồi” (Cao Xuân Mỹ & Mai Quốc Liên 1999: 483).

Tô Thường Hậu, một trong những nhân vật chính của tác phẩm, hiện thân của cái tôi sống cho tình yêu lãng mạn, cuồng si; cái tôi sống gấp, sống tạm, tự hủy hoại đời mình trong tình yêu tội lỗi, đã có những diễn biến tâm lý phức tạp, nội tâm luôn bị giằng xé giữa lý trí và tình cảm. Vốn con nhà khá giả, cũng biết ít nhiều chữ nghĩa, đạo lý thánh hiền, khi yêu phải một người phụ nữ đã có chồng, lại là

mệnh phụ, làm sao anh ta không phải đắn đo, cân nhắc, ngập ngừng, lo sợ. Lê Hoàng Mưu đã miêu tả thật tỉ mỉ những giằng co trong nội tâm của một chàng trai trẻ. Lý trí nhắc nhở anh ta phải nhớ đạo, không vì chữ tình mà bỏ quên luân lý, đạo đức làm người. Lương tâm biết trân trọng sự sống can ngăn anh ta đừng liều thân trước cái chết vô nghĩa vì tình. Thế nhưng, tình yêu với tất cả sự say đắm sắc dục cứ lôi kéo, bám đuổi anh ta ráo riết. Cuộc chiến thật gay go căng thẳng. Có lúc lý trí thật cứng rắn, quyết không để gã si tình Tô Thường Hậu được sa ngã. Nhưng lại có lúc khát khao chiếm lĩnh con tim và thể xác Hồ phu nhân cứ lớn lên vùn vụt, như không thể nào cưỡng lại được. Tác giả đã diễn tả trạng huống bại trận của lý trí trước sức cám dỗ của ái tình và ham muốn cuồng si. Vì thế, người đọc không lấy làm ngạc nhiên khi thấy một thanh niên sang trọng, xuất thân tử tế lại có thể tự đem tương lai của mình vùi chôn trong căn phòng tội lỗi của một mệnh phụ quyền quý. Và cũng nhờ thế, qua nghệ thuật miêu tả nội tâm một cách tự nhiên, tính cách của kẻ phong lưu Tô Thường Hậu càng rõ nét. Sức cám dỗ ghê người của sắc dục cũng được phơi bày từ đó. Do đó, không cần phải bàn luận, nhà văn vẫn gửi được những thông điệp của mình đến độc giả một cách rõ ràng. Nhờ vậy mà tính hiện đại của tác phẩm càng dễ nhận diện.

Khi miêu tả nội tâm của nhân vật Hồ Quốc Thanh, tác giả có phần chắc tay

hơn. Đặt nhân vật vào tình huống gay go, phức tạp: phải ra tay giết chết người vợ xinh đẹp mà mình yêu thương nhất để rửa mối hận bị phản bội, nhà văn phải thật khéo léo để thể hiện một cách logic kết cục tất yếu của cuộc giằng co giữa lý trí và tình cảm. Bị thu về không gian nhỏ hẹp của thế giới nội tâm, cái tôi trong con người của Hồ Quốc Thanh phải đối diện với nhiều sự đối lập. Đối lập giữa sự say đắm sắc đẹp với lòng ghen tuông vì sắc đẹp đó đã bị người khác chiếm đoạt. Đối lập giữa lòng vị tha dành cho người mình yêu và tình yêu dành cho chính mình, sợ mình bị hại. Đối lập giữa tình cảm luôn bị mềm yếu trước lời nói ngọt ngào tình tứ của mỹ nhân với lý trí cứng rắn luôn mang ý thức sĩ diện của kẻ trượng phu. Tác giả đã cho thấy tình cảm và lý trí đều có sức mạnh riêng của nó. Có vẻ như không bên nào chịu lùi bước. Bởi Hồ Quốc Thanh đã quá yêu vợ, mà càng yêu thì cơn ghen càng dữ dội, quyết tâm trừng phạt càng cao lên mãi. Tình cảm và lý trí trong Hồ Quốc Thanh lúc đó đối lập nhau nhưng lại phát triển theo chiều tỉ lệ thuận. Hơn thế nữa, Hồ Quốc Thanh cũng quá yêu mình cho nên đâu dễ xuôi theo tình cảm mà chấp nhận tha thứ. Do đó, cuối cùng phần lý trí thuộc về cái ác, cái hận thù có điều kiện lấn át tất cả, điều khiển hành động của nhân vật, ra tay sát hại vợ một cách tàn nhẫn.

Bao lần hành động muốn giết vợ, Hồ Quốc Thanh đều bấu phen ngập ngừng nhưng vẫn không thay đổi ý định: “Tiếc làm gì nà! Thứ đồ dâm phụ,

bội phụ, giết phứt nó cho rồi một kiếp” (Cao Xuân Mỹ & Mai Quốc Liên 1999: 568). Điều này cho thấy lửa ghen đã đốt cháy tình yêu dành cho vợ, để lại trong lòng Hồ Quốc Thanh nhiều nỗi oán hận. Trong trái tim ông ta hận thù đã choán hết chỗ. Tình yêu vốn có, đôi lúc cũng trở dậy, ngăn cản hành động sát hại vợ nhưng nó không đủ sức để ngự lâu trong tâm hồn người đàn ông ích kỷ, độc ác này. Vì thế thật logic khi tác giả không để cho Hồ Quốc Thanh ăn năn hối hận sau khi giết vợ, mà còn thi hành quỹ kế hãm hại người tình của vợ. Ông ta đã dùng thi hài vợ làm vật chiêu dụ đối phương, khiến người chết thảm cũng không thể yên nghỉ. Tính cách của kẻ ác nhân bộc lộ qua hành động nhưng nó đã có biểu hiện từ nội tâm đầy phức tạp nhưng rất nhất quán: hướng ác.

Có thể nói, qua *Người bán ngọc* Lê Hoàng Mưu đã thể hiện thành công đáng kể, ít nhiều táo bạo, trong nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật. Thế nhưng, trong buổi đầu chấp chững học theo kỹ thuật viết tiểu thuyết của phương Tây, tác giả không tránh khỏi ngập ngừng, còn nhiều vụng về khi đi vào thế giới bên trong của con người, việc diễn tả sự đổi thay tâm lý nhân vật còn khá gượng gạo. Từ đầu hôm cho đến nửa đêm, Hồ phu nhân đều tỏ ra tin rằng người bán ngọc là phụ nữ. Bà ta mời ở lại trong dinh qua đêm, cùng bà chén tạc chén thù, rồi mời vào phòng ngủ chung. Thậm chí đến nửa đêm, Hồ phu nhân còn chủ động ôm ấp người bán ngọc. Tác giả

luôn thể hiện Hồ phu nhân nghĩ người bán ngọc là gái nên mới gần gũi đến mức như vậy. Thế mà đến lúc “giờ đã đến rồi, còn nghi sợ nỗi gì mà dùn dằn đợi mãi. Người bán ngọc bèn...” (Cao Xuân Mỹ & Mai Quốc Liên 1999: 526), người bán ngọc “hiện nguyên hình” nam nhi. Hồ phu nhân chỉ phản ứng như cho đỡ ngượng để chấp nhận chuyện ân ái như nhuốc đang đến với mình: “Ủa! ủa! ủa! Hay cho hiền nương! Ủa! hay!” (Cao Xuân Mỹ & Mai Quốc Liên 1999: 526). Như thế Hồ phu nhân đã biết tất cả nhưng giả vờ đưa đẩy sự kiện để dẫn đến hồi kết như thế. Tất cả đều không phù hợp với tính cách, tình cảm của một mệnh phụ trẻ đẹp, chồng đi vắng chưa được bao lâu. Hơn nữa bà đang trong lúc tình cảm mặn nồng với chồng, vừa mới đi chùa cầu nguyện cho chồng bình an sớm trở về. Không lý gì bà thay lòng đổi dạ nhanh chóng đến thế. Nếu cho rằng Hồ phu nhân là loại đàn bà lăng loàn đi chẳng nữa thì cũng không quá dễ dàng để tiếp nhận một đời sống tình dục với người đàn ông quá xa lạ chỉ mới biết trước đó không lâu, qua việc mua bán ngọc. Hơn nữa, khi biết, người này lại trong lót của phụ nữ. Giả thiết nào cũng khiến người tiếp nhận không tránh khỏi băn khoăn, ngập ngừng khi nhận định về nhân vật Hồ phu nhân.

Diễn biến tâm lý của Hồ Quốc Thanh cũng có chỗ gượng ép. Hai lần dùng gươm và thuốc độc để giết vợ, Hồ Quốc Thanh đều không thể thực hiện được. Bởi sự ngăn cản của lương tâm

và sự ghì kéo của tình cảm. Lần nào nội tâm ông ta cũng bị giằng xé dữ dội. Những lúc không có mặt vợ, cơn ghen trong ông cứ như lửa cháy phừng phừng. Nhưng khi đối diện với sắc đẹp như ngọc như ngà của vợ, tai nghe lời nói ngọt ngào, tình tứ của mỹ nhân, lập tức sát khí biến mất nhanh chóng. Tưởng chừng không thể nào ông có thể ra tay giết nỗi vợ. Hồ Quốc Thanh như sống với bi kịch. Muốn giết vợ để rửa hận mà không thể giết. Không giết được thì hận càng cao. Hận càng cao lại càng muốn giết, nhưng lại bị tình cảm lấn át nên không thể giết. Có cảm giác như ông ta rơi vào bế tắc. Ông ta phải chịu đau khổ vì không giải quyết được mọi việc sao cho ổn thỏa với tâm nguyện của cái tôi đầy kiêu hãnh, vẫn luôn nghe tiếng nói lương tâm nhắc nhở. Vậy mà chỉ cần nhìn thấy hình ảnh con thằn lằn cái té nhào vào nhạo rượu, bị sặc rượu đến chết, ông ta đã trở nên lạnh lùng, tàn nhẫn và dứt khoát khác thường. Ông ta bày kế dụ vợ xuống hầm lấy thêm rượu, lén lút nổi gót theo sau vợ. Thừa lúc vợ cúi người sâu vào mái rượu để múc, Hồ Quốc Thanh “rình đâu hồi nào”, “nhảy tới nắm lấy chơn Hồ phu nhân mà lật lên, rồi cầm chặt đó mà thông đầu Hồ phu nhân xuống rượu”, “Hồ phu nhân vẫy vùng sao nổi. Ngộp quá, tức quá, giây phút Hồ phu nhân hộc máu ra cửa khiếu rồi vật mình mà chết” (Cao Xuân Mỹ & Mai Quốc Liên 1999: 572). Tiếng nói lương tâm của ông bỗng chốc như biến mất hẳn, tình yêu dành cho vợ cũng nhanh chóng không còn. Sự thay đổi đột ngột này không phản ánh quá

trình vận động và phát triển tâm lý một cách logic. Trước đó đâu phải vì ông ta không nghĩ được cách gì để giết vợ nên giết không được. Vì thế không thể cho rằng cái chết của con thần lẩn cái mang đến cho ông một kế sách hay. Ông chưa xuống tay sát thủ được vì bởi trong lòng ông vẫn còn tình cảm sâu nặng với người vợ trẻ, quá xinh đẹp; vì tính người chưa hề mất. Giá như Hồ phu nhân có những biểu hiện làm cho cơn ghen cứ phát triển thêm mãi, khiến ông không còn chỗ nào để yêu thương nữa thì sự việc như thế đã đành. Tác giả để cho nhân vật Hồ phu nhân trước sau như một, biết mình đang phạm tội lớn, nên luôn tìm cách lấy lòng Hồ Quốc Thanh. Vì thế sự chuyển biến tâm lý dẫn đến hành động của Hồ Quốc Thanh là hết sức gượng gạo. Đây là điểm hạn chế đáng tiếc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác phẩm.

Bên cạnh đó, *Người bán ngọc* còn để lại một số hạn chế đáng kể khác về nghệ thuật. Tiêu biểu nhất là vấn đề ngôn ngữ và cách diễn đạt. Không hoàn toàn đi theo con đường của nhiều nhà văn Nam Bộ cùng thời, viết tiểu thuyết bằng “tiếng tầm thường cho mọi người dễ hiểu dạng...” (Vương Trí Nhàn 1996: 26), cũng không chuộng cách diễn đạt nôm na, mộc mạc, bình dân như cách nói năng phổ biến của người Nam Bộ; Lê Hoàng Mưu thường sử dụng từ ngữ không phổ biến hoặc không còn nghĩa thông dụng, có khi rất hoa mỹ, cầu kỳ. Ông thích viết văn theo hình thức đăng đối nhịp nhàng, sáo rỗng. Cách diễn đạt

trong *Người bán ngọc* thường dài dòng, rối rắm. Một ý, tác giả có thể lấy đi lấy lại nhiều lần khiến người đọc dù bị cuốn hút vào nội dung mới mẻ nhưng vẫn cảm thấy chán ngắt vì những câu văn dài dòng. Đọc văn của Lê Hoàng Mưu khác gì ăn bát cơm thơm mà cứ vướng phải sạn liên tục, mất hứng thú thường thức. Lê Hoàng Mưu tỏ ra thích tập Kiều, lấy Kiều nhưng ông quá lạm dụng. Vì thế tạo cho tác phẩm mất đi tính tự nhiên. Những câu thơ Kiều thay thế phần lớn cho lời viết vốn phải bằng văn xuôi. Kết cấu tác phẩm còn mang dấu ấn sâu đậm của tiểu thuyết cũ. Tác giả phân thành nhiều đoạn, có tóm tắt bằng thơ. Tất cả đã làm cho gương mặt mới của tác phẩm bị mờ hẳn đi trong lớp áo cũ. Nếu không kiên nhẫn tìm kiếm sẽ khó nhận ra yếu tố hiện đại từ *Người bán ngọc*.

3. KẾT LUẬN

Nhìn chung, ở *Người bán ngọc*, Lê Hoàng Mưu đã hướng đề tài vào cuộc sống đời thường, chuyện ngoại tình, ghen tuông, trả thù... những vấn đề chưa được khai thác trong văn chương tải đạo của nhà Nho trước đó. Thông qua đề tài trên, nhà văn như đã xoáy vào vấn đề đang được quan tâm nhiều nhất của xã hội đương thời: sống cho cái tôi sẽ đạt được hạnh phúc hay đón nhận đau khổ. Ông đã đưa ra câu trả lời không hẳn dứt khoát nhưng cũng dễ nhận biết: theo mới để được sống cho cái tôi nhưng phải là một cái tôi có nhu cầu chính đáng. Cái chết vô nghĩa, cùng kết thúc đau khổ của hai nhân vật chính như nói thay

lời cảnh tỉnh với mọi người. Đó là cái giá phải trả cho những ai quay lưng lại với đạo lý truyền thống. Khai thác vấn đề thiết thực của cuộc sống, tác phẩm đã có đóng góp đáng kể cho quá trình hiện đại hóa tiểu thuyết Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX. Nếu dừng lại tại đây, tác phẩm có thể tạo được tầm đón nhận rộng lớn của công chúng yêu thích văn học đương thời.

Tuy nhiên, điểm dừng của Lê Hoàng Mưu đâu là ở đó. Ông đã mang vào tác phẩm những chuyện mà nhà Nho cấm kỵ: chuyện ân ái của nam nữ. Đời sống tình dục là nhu cầu tất yếu của con người. Đưa yếu tố tính dục vào tác phẩm văn học là chuyện rất nhân văn. Nhưng rõ ràng Lê Hoàng Mưu đã quá táo bạo khi làm việc này, trong bối cảnh đầu thế kỷ XX, khi mà tư tưởng, lối sống người Việt Nam vẫn còn chịu ảnh hưởng nặng nề của Nho giáo. Dẫu biết rằng văn học phương Tây, nơi đời sống tình dục đã trở thành bình thường hóa trong các sáng tác tiểu thuyết đang thâm nhập sâu vào đời sống văn học Việt Nam lúc này, nhưng không phải mọi cái mới của phương Tây đều được chấp nhận nhanh chóng dễ dàng. Lê Hoàng

Mưu tỏ ra chưa hiểu hết thị hiếu của công chúng đương thời, khi đưa vào tác phẩm một nội dung không chỉ mới, mà còn dễ gây “sốc” cho những ai vốn trung thành với Khổng Tử, hoặc còn nệ cổ. Điều đáng lưu ý, lực lượng này không phải là ít. Vì thế, *Người bán ngọc* không được đón nhận nồng nhiệt cũng là điều không khó lý giải.

Về nghệ thuật, *Người bán ngọc* có những hạn chế đáng tiếc, nhất là ngôn ngữ và cách diễn đạt, không tạo được sự hấp dẫn đối với người đọc sau này. Vì thế, tác phẩm chưa đủ sức mời gọi giới nghiên cứu quan tâm, cũng là điều dễ nhận biết. Tuy nhiên, nó vẫn là một tiểu thuyết đánh dấu sự đổi mới táo bạo của Lê Hoàng Mưu, đưa tiểu thuyết Việt Nam tiến gần đến con đường hội nhập với tiểu thuyết hiện đại của thế giới. Có những trường hợp như *Người bán ngọc*, mới thấy được hiện đại hóa văn học là chặng đường dài, nhiều thách thức với những thử nghiệm và những khiếm khuyết. Nỗ lực đi đầu, mạnh dạn làm ra cái mới, đó là công lao không thể phủ nhận ở các nhà văn Nam Bộ, trong đó có Lê Hoàng Mưu, thông qua tác phẩm *Người bán ngọc*. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bằng Giang. 1998. *Văn học Quốc ngữ ở Nam Kỳ 1865 - 1930* (tái bản lần thứ nhất). TP HCM: Nxb. Trẻ.
2. Cao Xuân Mỹ sưu tầm, Mai Quốc Liên giới thiệu. 1999. *Văn xuôi Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XX*, tập 1. TP HCM: Nxb. Văn nghệ TP HCM.
3. Võ Văn Nhơn. 2008. *Tiểu thuyết Nam Bộ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX*. Luận án Tiến sĩ Ngữ Văn, Chuyên ngành Lý thuyết và Lịch sử Văn học. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP HCM.
4. Vương Trí Nhàn. 1996. *Khảo về tiểu thuyết*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.